HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 18 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung (lần 6) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 3) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 4) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 5) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kết luận số 261-KL/TU ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về Hội nghị Thành ủy lần thứ 12, khóa XVI;

Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 6) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-KTNS ngày 16 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, bổ sung (lần 6) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025

1. Điều chỉnh giảm tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 – 2025 giảm từ 103.930.202 triệu đồng xuống còn 100.998.047 triệu đồng. Trong đó: nguồn vốn ngân sách trung ương giảm từ 7.214.105 triệu đồng xuống 5.533.750 triệu đồng; nguồn vốn ngân sách thành phố giảm từ 96.716.097 triệu đồng xuống 95.464.297 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 – 2025 còn lại chưa phân bổ từ 1.724.453,529 triệu đồng xuống 1.079.184,865 triệu đồng, bao gồm:

a) Bổ sung từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2022 chuyển sang: 700.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm nguồn do không phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2023: 1.951.800 triệu đồng.

c) Bổ sung nguồn do điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn của một số dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa NSTP và ngân sách cấp huyện, điều chỉnh giảm quy mô, tổng mức đầu tư là 606.531,336 triệu đồng.

3. Phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 – 2025 để bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các nhiệm vụ, dự án của thành phố: 809.437,675 triệu đồng.

a) Bổ sung kế hoạch vốn cho dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: 1.468,219 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư: 805.397 triệu đồng.

c) Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư cho một số dự án là 2.572,456 triệu đồng.

4. Dự phòng còn lại chưa phân bổ là 269.747,19 triệu đồng.

Dự phòng còn lại được phân bổ cho các nhiệm vụ sau khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó ưu tiên các dự án sau:

a) Di dời Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố sang Khu đô thị mới Bắc sông Cấm.

b) Xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn để thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên; thành lập đơn vị hành chính quận tại huyện An Dương.

c) Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

d) Các dự án chuyển đổi số, các dự án chỉnh trang đô thị.

(Chi tiết tại các Phụ lục II, III, IV)

Điều 2. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn nước ngoài (vốn ODA cấp phát) bổ sung có mục tiêu cho một số dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, CP;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVNTP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Báo HP, Đài PTTH HP,
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Tổng số vốn đã giao tại NQ số 07/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
1	2	3	4	5	6
A	**TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG**	**103.930.202**	**100.998.047**	**-2.932.155**	
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**7.214.105**	**5.533.750**	**-1.680.355**	
1	Vốn trong nước	4.319.190	4.319.190		
2	Vốn nước ngoài	2.894.915	1.214.560	-1.680.355	Phụ lục V
II	**NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ**	**96.716.097**	**95.464.297**	**-1.251.800**	
1	Nguồn vốn đầu tư công cân đối trong kế hoạch trung hạn	84.409.579	84.409.579		
1.1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	51.952.306	51.952.306		
-	*Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển*	*5.648.759*	*5.648.759*		
1.2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	32.256.273	32.256.273		
1.3	Nguồn xổ số kiến thiết	201.000	201.000		
2	Vốn vay	7.289.500	5.337.700	-1.951.800	
2.1	Trái phiếu chính quyền địa phương	7.040.443	5.088.643	-1.951.800	
2.2	Vay lại ODA	249.057	249.057		
3	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2020 chuyển sang	1.375.000	1.375.000		
4	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2022		700.000	700.000	
5	Bổ sung nguồn đầu tư công từ nguồn vượt thu ngân sách cấp thành phố năm 2021	551.403	551.403		
6	Tiền đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ	913.615	913.615		
7	Nguồn thưởng vượt thu cho địa phương có số thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương năm 2021 vượt dự toán và đầu tư trở lại theo Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ	1.742.000	1.742.000		
8	Vượt thu ngân sách thành phố năm 2022	435.000	435.000		

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
I	**NGUỒN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỔ**	**1.079.184,865**	
1	Dự phòng vốn đầu tư công trung hạn chưa phân bổ đến tháng 4/2023	1.724.453,529	
2	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2022	700.000,000	
3	Điều chỉnh giảm nguồn do không phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2023	-1.951.800,000	
4	Bổ sung nguồn do điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn của một số dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa NSTP và ngân sách cấp huyện, điều chỉnh giảm quy mô, tổng mức đầu tư	606.531,336	Phụ lục III
II	**PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**	**809.437,675**	
1	Bổ sung vốn cho dự án đã phê duyệt quyết toán	1.468,219	Phụ lục IV
3	Bố trí vốn cho các dự án đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	805.397,000	
4	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho một số dự án	2.572,456	
III	**DỰ PHÒNG CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỔ**	**269.747,190**	

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí trong 3 năm 2021-2023				Lũy kế đã bố trí từ khi bắt đầu cho đến tháng 6/2023		Phần KHV còn lại không còn nhu cầu sử dụng
		Số NQ/QĐ	TMĐT	Trđ: NSTP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trđ: NSTP	
						NSTW	NSTP		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13	14	15=6-9
			2.458.562,860	**1.135.590,671**	**1.158.647,203**	**90.000,000**	**1.068.647,203**	**391.393,210**	**157.896,021**	**190.197,159**	**43.300,030**	**2.313.179,464**	**1.080.063,555**	**606.531,336**
A	**Các dự án đã quyết toán hoàn thành**		**1.993.397,224**	**760.424,997**	**581.523,786**	**0,000**	**508.105,941**	**352.593,210**	**157.896,021**	**151.397,159**	**43.300,030**	**1.981.614,464**	**748.498,555**	**201.808,555**
I	***An ninh và trật tự, an toàn xã hội***		***39.303,076***	***39.303,076***	***24.347,000***	***0,000***	***24.347,000***	***21.153,076***	***15.950,000***	***5.203,076***	***0,000***	***39.303,076***	***39.303,076***	***3.193,924***
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	61/QĐ-STC, 30/12/2021	12.726,612	12.726,612	7.450,000		7.450,000	6.676,612	4.800,000	1.876,612	0,000	12.726,612	12.726,612	773,388
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	60/QĐ-STC, 30/12/2021	12.929,307	12.929,307	7.949,000		7.949,000	6.879,307	5.200,000	1.679,307	0,000	12.929,307	12.929,307	1.069,693
3	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	62/QĐ-STC, 30/12/2021	13.647,157	13.647,157	8.948,000		8.948,000	7.597,157	5.950,000	1.647,157	0,000	13.647,157	13.647,157	1.350,843
II	***Y tế, dân số và gia đình***		***1.026.241,462***	***106.281,851***	***166.753,699***		***166.753,699***	***99.230,359***	***4.000,000***	***86.221,860***	***9.008,499***	***1.026.312,239***	***106.308,948***	***67.523,340***
1	Đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - Giai đoạn I (Đầu tư xây dựng Bệnh viện Việt Tiệp II)	13/QĐ-STC 24/5/2022	919.709,611		139.597,800		139.597,800	80.580,700	0,000	80.580,700	0,000	919.753,291		59.017,100
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	15/QĐ-STC 06/7/2022	51.614,062	51.614,062	15.434,899		15.434,899	9.641,160	4.000,000	5.641,160	0,000	51.641,160	51.641,160	5.793,739
3	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tiên Lãng - giai đoạn I	38/QĐ-STC, 15/11/2022	54.917,789	54.667,789	11.721,000		11.721,000	9.008,499	0,000	0,000	9.008,499	54.917,788	54.667,788	2.712,501
III	***Văn hóa, thông tin***		***32.427,785***	***27.927,785***	***16.927,785***		***16.927,785***	***16.893,920***			***16.893,920***	***32.427,785***	***27.927,785***	***33,865***
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dư Hàng, quận Lê Chân, HP	32/QĐ-STC, 14/10/2022	32.427,785	27.927,785	16.927,785		16.927,785	16.893,920	0,000	0,000	16.893,920	32.427,785	27.927,785	33,865
IV	***Bảo vệ môi trường***		***13.637,090***	***13.637,090***	***6.985,000***	***0,000***	***6.985,000***	***5.637,090***	***4.000,000***	***0,000***	***1.637,090***	***13.637,090***	***13.637,090***	***1.347,910***
1	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	27/QĐ-STC, 04/10/2022	13.637,090	13.637,090	6.985,000		6.985,000	5.637,090	4.000,000	0,000	1.637,090	13.637,090	13.637,090	1.347,910
V	***Các hoạt động kinh tế***		***842.388,681***	***533.876,065***	***329.365,302***		***255.947,457***	***175.419,635***	***107.546,021***	***59.087,623***	***8.785,991***	***830.535,144***	***521.922,526***	***126.823,646***
V.1	***Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản***		***179.736,295***	***7.736,295***	***15.108,000***		***15.108,000***	***7.105,192***	***5.000,000***	***2.105,192***	***0,000***	***180.189,111***	***8.189,111***	***7.998,631***
1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ (giai đoạn I)	06/QĐ-STC, 25/01/2022	179.736,295	7.736,295	15.108,000		15.108,000	7.105,192	5.000,000	2.105,192	0,000	180.189,111	8.189,111	7.998,631
V.2	***Giao thông***		***512.850,496***	***480.879,770***	***221.436,402***	***0,000***	***221.436,402***	***88.546,021***	***88.546,021***	***0,000***	***0,000***	***500.544,239***	***468.473,512***	***105.772,536***
1	Cải tạo, nâng cấp đường Cục Phố - Ninh Đông (đoạn từ xã Công Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	25/QĐ-STC 23/7/2021	41.886,201	36.136,201	16.136,201		16.136,201	16.036,021	16.036,021	0,000	0,000	41.886,021	36.036,021	100,180
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phục vụ Nhà máy phôi thép Việt Ý tại cụm công nghiệp VINASHIN - SHINEC (giai đoạn I và II)	95/QĐ-STC, 15/8/2019	24.236,987	24.236,987	12.321,356		12.321,356	0,000	0,000	0,000	0,000	11.915,541	11.915,541	12.321,356

STT	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí trong 3 năm 2021-2023				Lũy kế đã bố trí từ khi bắt đầu cho đến tháng 6/2023		Phần KHV còn lại không còn nhu cầu sử dụng
		Số NQ/QĐ	TMĐT	Trđ: NSTP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trđ: NSTP	
						NSTW	NSTP		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023			
3	Dự án xây dựng tuyến đường vào và khu bảo tồn bãi cọc Cao Quỳ, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	47/QĐ-GĐSTC, 23/11/2021	294.803,274	294.803,274	119.561,000		119.561,000	52.510,000	52.510,000	0,000	0,000	294.803,274	294.803,274	67.051,000
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm Thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	21/QĐ-STC, 12/9/2022	101.124,140	84.192,734	53.768,351		53.768,351	20.000,000	20.000,000	0,000	0,000	101.124,140	84.192,734	17.000,000
5	Dự án đầu tư xây dựng đường vào cơ quan nội chính, tư pháp quận Lê Chân	24/QĐ-STC, 19/9/2022	50.799,893	41.510,574	19.649,494		19.649,494	0,000	0,000	0,000	0,000	50.815,262	41.525,942	9.300,000
V.3	***Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp***		***45.260,000***	***45.260,000***	***26.092,000***		***26.092,000***	***24.059,903***	***14.000,000***	***2.600,000***	***7.459,903***	***45.259,903***	***45.259,903***	***2.032,097***
1	Xây dựng, sửa chữa Trường THPT Ngô Quyền	26/QĐ-STC, 20/9/2022	45.260,000	45.260,000	26.092,000		26.092,000	24.059,903	14.000,000	2.600,000	7.459,903	45.259,903	45.259,903	2.032,097
V.4	***Khu công nghiệp và khu kinh tế***		***104.541,890***	***0,000***	***66.728,900***	***0,000***	***66.728,900***	***55.708,519***	***0,000***	***54.382,431***	***1.326,088***	***104.541,891***	***0,000***	***11.020,382***
1	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo (giai đoạn II)	06/QĐ-STC, 10/3/2023	104.541,890		66.728,900		66.728,900	55.708,519	0,000	54.382,431	1.326,088	104.541,891		11.020,382
VI	***Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức CT-XH***		***39.399,130***	***39.399,130***	***37.145,000***	***0,000***	***37.145,000***	***34.259,130***	***26.400,000***	***884,600***	***6.974,530***	***39.399,130***	***39.399,130***	***2.885,870***
1	Xây dựng mới đơn nguyên 2 tòa án nhân dân quận Ngô Quyền và tu bổ, bảo tồn tòa nhà Pháp phía trước	16/QĐ-STC, 20/6/2023	25.880,453	25.880,453	22.592,000		22.592,000	20.810,453	16.400,000	0,000	4.410,453	25.880,453	25.880,453	1.781,547
2	Đầu tư xây dựng Hội trường xét xử thân thiện, phòng làm việc của thẩm phán và thư ký Tòa Gia đình và người chưa thành niên, Trung tâm lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố	14/QĐ-STC, 28/4/2023	13.518,677	13.518,677	14.553,000		14.553,000	13.448,677	10.000,000	884,600	2.564,077	13.518,677	13.518,677	1.104,323
B	**Các dự án điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giữa NSTP và ngân sách cấp huyện, điều chỉnh giảm quy mô, tổng mức đầu tư**		**465.165,636**	**375.165,674**	**577.123,417**	**90.000,000**	**487.123,417**	**38.800,000**	**0,000**	**38.800,000**	**0,000**	**331.565,000**	**331.565,000**	**404.722,781**
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	2811/QĐ-UBND, 29/8/2022	141.990,962	51.991,000	**231.990,962**	**90.000,000**	**141.990,962**	38.800,000	0,000	38.800,000	0,000	38.800,000	38.800,000	90.000,000
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bắc Sông Cấm giai đoạn 2	581/QĐ-UBND, 21/02/2022	323.174,674	323.174,674	345.132,455		345.132,455	0,000	0,000	0,000	0,000	292.765,000	292.765,000	314.722,781

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu

STT	Tên dự án	KC-HT	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư/Giá trị dự toán/ Giá trị quyết toán		Đã giao tại các Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 07/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
				Tổng số	Trđ: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8=7+9	9
	TỔNG			**1.004.799,055**	**929.799,055**	**10.540,012**	**819.977,687**	**809.437,675**
A	**Dự án đã quyết toán hoàn thành**			**102.458,214**	**27.458,214**	**10.540,012**	**12.008,231**	**1.468,219**
1	Dự án xây dựng Khu huấn luyện đua thuyền thành phố Hải Phòng - giai đoạn I		10/QĐ-STC, 30/3/2023	102.458,214	27.458,214	10.540,012	12.008,231	1.468,219
B	**Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư**			**892.199,000**	**892.199,000**	**0**	**805.397,000**	**805.397,000**
1	Xây dựng Quảng trường Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố tại Khu đô thị mới Bắc sông Cấm - giai đoạn 1	2023-2025	04/NQ-HĐND, 18/4/2023	261.877,000	261.877,000	0	261.877,000	261.877,000
2	Chỉnh trang đô thị tại Khu vực bến xe Lạc Long (cũ)	2023-2024	02/NQ-HĐND, 18/4/2023	196.314,000	196.314,000	0	196.314,000	196.314,000
3	Dự án cải tạo hè, đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Lợi và một số tuyến đường nội đô thành phố	2023-2026	03/NQ-HĐND, 18/4/2023	434.008,000	434.008,000	0	347.206,000	347.206,000
C	**Vốn chuẩn bị đầu tư của các dự án được phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư, chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư**			**2.046,756**	**2.046,756**	**0**	**2.572,456**	**2.572,456**
1	Vốn chuẩn bị đầu tư Dự án triển khai hệ thống bệnh án điện tử		103/QĐ-KHĐT, 27/6/2023	881,168	881,168	0	881,168	881,168

STT	Tên dự án	KC-HT	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư/Giá trị dự toán/ Giá trị quyết toán		Đã giao tại các Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 07/NQ-HĐND ngày 18/4/2023	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
				Tổng số	Trđ: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8=7+9	9
2	Vốn chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng Tượng đài chiến thắng Cát Bi tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng		57/QĐ-VHTT, 14/02/2023	1.165,588	1.165,588	0	1.165,588	1.165,588
3	Vốn chuẩn bị đầu tư cho thi tuyển phương án kiến trúc công trình cầu vượt sông Ruột Lợn trên tuyến đường Vành đai 3 thuộc Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu		1172/QĐ-UBND, 08/5/2023	192,850	192,850	0	192,850	192,850
4	Vốn chuẩn bị đầu tư cho thi tuyển phương án kiến trúc công trình cầu Ngô Quyền trên tuyến đường Vành đai 3 thuộc Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu		1174/QĐ-UBND, 08/5/2023	332,850	332,850	0	332,850	332,850

PHỤ LỤC V: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA CẤP PHÁT)

(Kèm theo Nghị quyết số 17 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ODA cấp phát		
					Số quyết định	TMĐT							Đã giao tại QĐ số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
							Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền việt					
								NSTW	NSĐP	Tổng số	Trđ: Cấp phát từ NSTW	Vay lại			
	TỔNG SỐ					**2.923.434**	**248.396**	**0**	**237.074**	**2.675.038**	**2.206.692**	**468.346**	**2.153.861**	**473.506**	**-1.680.355**
1	Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Hải Phòng – giai đoạn 1 sử dụng vốn vay ODA Hàn Quốc	Hàn Quốc			103/QĐ-TTg, 23/01/2017; 3205/QĐ-UBND, 24/11/2017	2.351.409	220.161		220.161	2.131.248	1.704.988	426.260	1.704.988	0	-1.704.988
2	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	WB	23/12/2016	30/06/2023	2591/QĐ-UBND, 05/10/2017	101.085	16.913		16.913	84.172	42.086	42.086	40.784	13.888	-26.896
3	Dự án nâng cấp nhà máy nước An Dương	JICA	26/02/2016	31/03/2022	43/QĐ-STC, 05/12/2022	470.940	11.322			459.618	459.618		408.089	459.618	51.529